TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2018/HNGĐ-PT
Ngày: 26- 7 - 2018
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Minh Tấn
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Lập
Ông Huỳnh Văn Út

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Trọng Bằng là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Dẽ – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2018/TLPT/HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2018 về việc "Xin ly hôn".

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 61/2018/HNGĐ-ST ngày 16/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện Th, tỉnh Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 166/2018/QĐ-PT ngày 03 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1992; Địa chỉ: Ấp Đ, xã H, huyện Th, tỉnh Cà Mau (Có mặt).

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Út T (Nguyễn Thị Út T), sinh năm 1989; Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn Th, huyện Th, tỉnh Cà Mau (Có mặt).

- *Người kháng cáo:* Chị Nguyễn Út T – Bị đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Anh Nguyễn Văn Ch trình bày: Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Út T có tổ chức đám cưới vào ngày 07 tháng 01 năm 2018. Khi đám cưới xong thì chị T kêu anh chở đi trả đồ cưới nhưng khi đến nhà chị T thì chị T vào nhà và không đồng ý về nhà anh cho đến nay. Anh và chị T không có đăng ký kết hôn. Nay, anh yêu cầu ly hôn chị Nguyễn Út T.

Về con chung: Anh và chị T không có con chung.

Về tài sản: Ngày lễ ăn trầu, anh có cho chị T 14.000.000 đồng, 01 dây chuyền 02 chỉ vàng 24 kara, 01 đôi bông 01 chỉ vàng 18 kara và 01 nhẫn cưới 0,5 chỉ vàng 18 kara. Anh yêu cầu chị T trả cho anh toàn bộ số vàng và tiền trên. Tại phiên tòa, anh Ch thừa nhận số tiền 14.000.000 đồng, tại lễ ăn trầu anh đưa 10.000.000 đồng để làm đám cưới, còn 4.000.000 đồng thì anh đưa khi xuống mối để tổ chức lễ ăn trầu.

Chị Nguyễn Út T trình bày: Chị thống nhất với lời trình bày của anh Ch về ngày tổ chức đám cưới, không có sống chung, không có đăng ký kết hôn. Khi cưới xong, chị bị bệnh nên về nhà chị để mẹ chị chăm sóc. Chị và anh Ch không có con chung.

Về tài sản: Chị thừa nhận anh Ch có cho chị 14.000.000 đồng, 01 dây chuyền 02 chỉ vàng 24 kara, 01 đôi bông 01 chỉ vàng 18 kara và 01 nhẫn cưới 0,5 chỉ vàng 18 kara. Chị chỉ đồng ý chia cho anh Ch ½ số vàng. Đối với số tiền đã tổ chức đám hết nên không đồng ý trả lại.

Tại bản án hôn nhân sơ thẩm số 61/2018/HNGĐ-ST ngày 16/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện Th quyết định:

Căn cứ vào: Các Điều 26, 28, 35, 39, 144, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 166, 457, 462 Bộ luật dân sự 2015; Các Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, các Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Về hôn nhân: Không công nhận anh Nguyễn Văn Ch và chị Nguyễn Út T (còn gọi: Nguyễn Thị Út T) là vợ chồng.

2/ Chấp nhận một phần yêu cầu của anh Nguyễn Văn Ch. Buộc chị Nguyễn Út T (còn gọi: Nguyễn Thị Út T) trả cho anh Nguyễn Văn Ch 10.000.000 (Mười triệu) đồng, 01 dây chuyền 02 (Hai) chỉ vàng 24 kara, 01 đôi bông 1 (Một) chỉ vàng 18 kara, 01 nhẫn 0,5 (không phẩy năm) chỉ vàng 18 kara.

3/ Không chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn Ch số tiền 4.000.000 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất chậm trả và quyền kháng cáo theo luật định

Ngày 23/4/2018, chị Nguyễn Út T kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Yêu cầu chia đôi số nữ trang vì xác định đây là tài sản chung, số tiền 10.000.000 đồng đã chi phí vào lễ cưới không còn nên không chấp nhận trả lại cho anh Ch

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Út T giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử là đúng pháp luật tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử: Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Út T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Anh Nguyễn Văn Ch và chị Nguyễn Út T có tổ chức đám cưới vào ngày 07/01/2018, anh Ch có đưa cho chị T số tiền 14.000.000 đồng mục đích làm chi phí trong tổ chức lễ hỏi và lễ cưới. Ngoài ra, anh Ch còn cho chị T một số nữ trang như: Một dây chuyền vàng 24k, trọng lượng 02 chỉ; Một đôi bông tai vàng 18k, trọng lượng 01 chỉ; Một nhẫn cưới vàng 18k, trọng lượng 0,5 chỉ. Nay anh Ch yêu cầu xin ly hôn với chị T và yêu cầu chị T phải trả lại toàn bộ cho anh số tài sản trên. Đối với chị T xác định số nữ trang là tai sản chung, nên đồng ý chia mỗi người ½; Đối với số tiền 14.000.000 đồng chị đã chi phí hết khi tổ chức làm lễ cưới, lễ hỏi nên không đồng ý trả lại.

[2] Xét thấy, việc anh Ch và chị T đi đến hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức hỏi, cưới theo phong tục tập quán ở địa phương, nhưng anh, chị chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trước khi đi đến hôn nhân, anh Ch có cho chị T một số tiền để tổ chức lễ thành hôn và một số nữ trang bằng vàng. Thấy rằng, việc tặng cho tài sản vừa nêu xuất phát từ sự tự nguyện của anh Ch đối với chị T, khi tặng cho tài sản anh Ch cũng không đặt ra điều kiện gì với chị T nên không thể xác định là giao dịch tặng cho có điều kiện. Tuy nhiên, việc tặng cho tài sản xuất phát từ mục đích hôn nhân, theo chị T cho rằng việc chị không chung sống với anh Ch là trong ngày cưới là do chị bị bệnh nên chị muốn về cha mẹ ruột ở để cha mẹ chăm sóc. Lý do chị T đưa ra là chưa có cơ sở thuyết phục bởi lẽ: Nếu chị bị bệnh muốn về nhà cha mẹ vì sao chị không bàn bạc với anh Ch? Và sau đó chị lại không về chung sống với anh Ch? Kể từ ngày tổ chức lễ cưới, chị không chung sống với anh Ch ngày nào. Như vậy, việc anh chị không đi đến hôn nhân được nguyên nhân chính là do chị T. Do đó, án sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Ch là phù hợp.

[3] Đối với số tiền 14.000.000 đồng anh Ch cho chị T là chi phí lễ hỏi và lễ cưới, hiện đã chi phí đãi ăn trong ngày cưới, hỏi trong đó có họ hàng hai bên. Mặt khác, chị T cũng không chi xài cá nhân đối với số tiền này. Do đó án sơ thẩm buộc chị T trả lại 10.000.000 đồng là không phù hợp

[4] Đối với án phí sơ thẩm: Đây là việc tranh chấp tài sản trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình nên các đương sự phải chịu án phí đối với phần tài sản mà mình được nhận. Như vậy, án sơ thẩm không buộc anh Ch chịu án phí sơ thẩm mà buộc chị T chịu án phí là chưa phù hợp.

[5] Về án phí sơ thẩm anh Ch phải chịu theo quy định, chị T không phải chịu án phí sơ thẩm, phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Út T.

Sửa một phần bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 61/2018/HNGĐ-ST ngày 16/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện Th về phần tài sản.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn Ch. Buộc chị Nguyễn Út T trả cho anh Nguyễn Văn Ch một dây chuyền vàng 24k, trọng lượng 02 chỉ; Một đôi bông tai vàng 18k, trọng lượng 01 chỉ và một nhẫn cưới vàng 18k, trọng lượng 0,5 chỉ. Không chấp nhận một phần yêu cầu của anh Ch về việc yêu cầu chị T trả 14.000.000 đồng.

Án phí hôn nhân gia đình anh Ch phải chịu 300.000 đồng, án phí sơ thẩm có giá ngạch 564.000 đồng. Tổng cộng là 864.000 đồng. Ngày 09/3/2018 anh Ch nộp tạm ứng 900.000 đồng lai số 0007901 được đối trừ chuyển thu, anh Ch được hoàn lại 36.000 đồng.

Án phí phúc thẩm hôn nhân gia đình chị T không phải chịu, ngày 23/4/2018 chị có nộp tạm ứng 300.000 đồng lai số 0008064 được hoàn lại.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Th;
- Chi cục THADS huyện Th;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hồ Minh Tấn